

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN LONG MỸ
TỈNH HẬU GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 42/2021/HNGĐ-ST
Ngày: 28 – 5 – 2021
V/v Tranh chấp ly hôn và yêu cầu
nuôi con chung

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LONG MỸ - TỈNH HẬU GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Huỳnh Minh Chánh.

Các Hội Thẩm nhân dân:

1. Ông: Lê Minh Thật.
2. Bà: Trần Thị Lệ Hiếu.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Phụng, là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Long Mỹ, tỉnh Hậu Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Mỹ, tỉnh Hậu Giang tham gia phiên tòa: Bà Võ Huỳnh Anh Thư - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 5 năm 2021 tại Phòng xét xử Tòa án nhân dân huyện Long Mỹ, tỉnh Hậu Giang, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 257/2020/TLST-HNGĐ ngày 23 tháng 10 năm 2020, về việc: “Tranh chấp ly hôn và yêu cầu nuôi con chung”. Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 68/2021/QĐXXST-HNGĐ, ngày 12 tháng 05 năm 2021, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Út T, sinh năm 1992 (Có đơn xin vắng mặt)

Địa chỉ cư trú: ấp 6, xã Lương Nghĩa, huyện LM, tỉnh HG.

Bị đơn: Anh Trần Văn H, sinh năm 1987 (Vắng mặt)

Địa chỉ cư trú: Ấp 6, xã Lương Nghĩa, huyện LM, tỉnh HG.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị Nguyễn Thị Út T (gọi tắt chị T) trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị T và anh Trần Văn H quen biết nhau và tổ chức lễ cưới, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Lương Nghĩa, huyện Long Mỹ, tỉnh Hậu Giang vào ngày 22/11/2012 theo quy định, hôn nhân do anh chị cùng tự nguyện.

Nguyên nhân mâu thuẫn: Vợ chồng sống chung hạnh phúc được 04 năm, sau đó thì phát sinh mâu thuẫn do anh H không quan tâm vợ con, thường xuyên đi chơi không lo làm ăn tiếp gia đình nên chị T và anh H đã ly thân với nhau từ tháng 01/2016 đến nay. Xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, cuộc sống chung không hạnh phúc nên chị T yêu cầu được ly hôn.

Về con chung: Chị T xác định vợ chồng có 02 con chung, cháu Trần Thị Thúy D (giới tính nữ), sinh ngày 05 tháng 07 năm 2012 và cháu Trần Dĩ T (giới tính nam), sinh ngày 14 tháng 3 năm 2016. Hiện nay 02 con đang sống chung với chị T, khi ly hôn chị T yêu cầu được nuôi con, chưa yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Chị T xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trong quá trình giải quyết vụ án, anh Trần Văn H đã được Tòa án thông báo về việc thụ lý vụ án đối với yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Út T và Tòa án đã triệu tập hợp lệ anh H để tiến hành phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhiều lần nhưng cố tình vắng mặt không có lý do nên Tòa án không thể tiến hành ghi lời khai cũng như tiến hành phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải đối với anh Trần Văn H.

Tại phiên tòa, chị T có đơn xin xét xử vắng mặt và giữ nguyên nội dung yêu cầu khởi kiện.

Đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm:

Về việc tuân theo pháp luật: Từ khi thụ lý vụ án, cũng như tại phiên tòa hôm nay Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Hội thẩm nhân dân đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án:

- Về hôn nhân: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Út T, cho chị T được ly hôn với anh Trần Văn H.

- Về con chung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu nuôi con chung của chị T. Giao cháu Trần Thị Thúy D và cháu Trần Dĩ T cho chị T tiếp tục nuôi dưỡng, do chị T chưa yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con nên không xem xét. Dành quyền, nghĩa vụ thăm nom chăm sóc, giáo dục con chung cho anh H theo quy định pháp luật.

- Về tài sản chung và nợ chung: Chị T khai không có, không yêu cầu giải quyết, nên không xem xét.

- Về án phí: Buộc nguyên đơn chị Nguyễn Thị Út T phải nộp theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và kết quả tranh tụng tại phiên tòa để phân tích và đánh giá về những chứng cứ, những tình tiết của vụ án, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Nguyên đơn chị Nguyễn Thị Út T khởi kiện yêu cầu ly hôn đối với bị đơn anh Trần Văn H, đối chiếu theo quy định tại Điều 28, Điều 35, Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 và Điều 51, Điều 53 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 thì quan hệ pháp luật trong vụ kiện này là “Tranh chấp ly hôn và yêu cầu nuôi con chung” được Luật hôn nhân và gia đình điều chỉnh nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Long Mỹ, tỉnh Hậu Giang.

Nguyên đơn chị Nguyễn Thị Út T có đơn xin xét xử vắng mặt, bị đơn anh Trần Văn H đã được Tòa án triệu tập hợp lệ để tham gia phiên tòa xét xử nhiều lần nhưng vắng mặt không có lý do. Vì vậy, Hội đồng xét xử áp dụng Điều 227, Điều 228 và Điều 238 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 xét xử vắng mặt đối với chị Nguyễn Thị Út T và anh Trần Văn H nhưng vẫn đảm bảo quyền lợi cho chị T và anh H theo quy định.

[2]. Về nội dung vụ án: Xét yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Út T, Hội đồng xét xử thấy rằng:

[2.1]. Về quan hệ hôn nhân: Chị T và anh H quen nhau và có tổ chức lễ cưới và có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật nên hôn nhân của anh chị là phù hợp theo quy định tại Điều 11 Luật hôn nhân và gia đình năm 2000. Chị T cho rằng vợ chồng anh chị phát sinh mâu thuẫn trầm trọng, không còn yêu thương, quan tâm, chăm sóc lẫn nhau, mặc dù vợ chồng đã nhiều lần hàn gắn nhưng không có kết quả và anh chị cũng không còn sống chung với nhau như vợ chồng từ tháng 01 năm 2016 đến nay. Điều đó cho thấy cuộc sống hôn nhân của vợ chồng anh chị không còn hạnh phúc, mâu thuẫn vợ chồng thật sự trầm trọng, thời gian ly thân kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt nên anh chị không thể tiếp tục duy trì quan hệ vợ chồng. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị T.

[2.2]. Về con chung: Xét yêu cầu nuôi con chung của chị T, Hội đồng xét xử thấy rằng: Chị T cho rằng vợ chồng có 02 con chung là cháu Trần Thị Thúy D và cháu Trần Di T. Xét thấy cháu D và T từ khi sinh ra thì sống chung với anh chị, nhưng từ khi vợ chồng anh chị không còn sống chung cho đến nay thì cháu D và cháu T sống chung với chị T, mặc khác theo biên bản xác minh của Tòa án cháu D và cháu T sống chung với anh chị, nhưng từ khi vợ chồng không còn sống chung thì chị T là người trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung, tại bản tự khai ngày 26

tháng 11 năm 2020 thì cháu D cũng có nguyện vọng sống với chị T, riêng cháu T còn nhỏ chị Thơi trực tiếp nuôi từ khi sinh ra đến nay. Vì vậy, để đảm bảo cho sự phát triển toàn diện về tâm sinh lý cũng như ổn định cuộc sống của cháu D và cháu T, nên Hội đồng xét xử thống nhất giao cháu Trần Thị Thúy D, Trần Di T cho chị T được tiếp tục nuôi dưỡng là hoàn toàn phù hợp theo quy định pháp luật tại Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình. Anh Trần Văn H có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung không ai được quyền cản trở theo quy định tại Điều 82 Luật hôn nhân và gia đình. Chị T chưa yêu cầu anh Trần Văn H cấp dưỡng nuôi con nên không xem xét.

[2.3]. Về tài sản chung: Chị T xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

[2.4]. Về nợ chung: Chị T xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

[3]. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Căn cứ Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Nghị quyết 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Buộc chị Nguyễn Thị Út Thơi phải nộp theo quy định pháp luật.

Từ những phân tích trên nên đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa là có căn cứ xem xét chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 28; Điều 35; Điều 39; Điều 227; Điều 228; Điều 238; Điều 147; Điều 273; Điều 278 và Điều 280 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Điều 11 Luật hôn nhân và gia đình năm 2000;

Điều 51; Điều 53; Điều 56; Điều 81; Điều 82; Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Nghị quyết 326/2016/NQ-UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Nguyễn Thị Út T đối với bị đơn anh Trần Văn H. Cho nguyên đơn chị Nguyễn Thị Út T được ly hôn với bị đơn anh Trần Văn H.

2. Về con chung: Chị Nguyễn Thị Út T được tiếp tục nuôi dưỡng 02 cháu Trần Thị Thúy D (giới tính: nữ) sinh ngày 05/7/2012 và cháu Trần Dĩ T (giới tính: nam) sinh ngày 14/3/2016. Hiện nay, cháu D và T đang sống chung với chị T. Về cấp dưỡng: Chị T chưa yêu cầu anh Trần Văn H cấp dưỡng nuôi con nên không xem xét.

Dành quyền thăm nom chăm sóc, giáo dục con chung cho anh Trần Văn H không ai được quyền ngăn cản.

3. Về tài sản chung: Chị T xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên không xem xét.

4. Về nợ chung: Chị T xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

5. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Nguyên đơn chị Nguyễn Thị Út T phải nộp án phí với số tiền là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng). Được khấu trừ 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo lai thu số 0006566 phiếu lập ngày 23/10/2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Long Mỹ, tỉnh Hậu Giang.

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà không có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND H. Long Mỹ;
- THADS H. Long Mỹ;
- UBND xã Lương Nghĩa;
- Lưu HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Huỳnh Minh Chánh